

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**TCVN 10051:2013  
ISO 5432:2013**

Xuất bản lần 1

**DA – DA CỪU PHÈN XANH – CÁC YÊU CẦU**

*Leather – Wet blue sheep skins – Specification*

**HÀ NỘI – 2013**

**Lời nói đầu**

TCVN 10051:2013 hoàn toàn tương đương với ISO 5432:2013.

TCVN 10051:2013 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 120 *Sản phẩm da* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

## **Da – Da cừu phèn xanh – Các yêu cầu**

*Leather – Wet blue sheep skins – Specification*

### **1 Phạm vi áp dụng**

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử cho da phèn xanh được làm từ da cừu thuộc đã tẩy lông và sử dụng crom sulfat kiềm là tác nhân thuộc chính.

### **2 Tài liệu viện dẫn**

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 7117 (ISO 2418), *Da – Mẫu phòng thí nghiệm – Vị trí và nhận dạng*

TCVN 7125 (ISO 3380), *Da – Xác định nhiệt độ bền co*

TCVN 7127 (ISO 4045), *Da – Xác định pH*

TCVN 8831-1 (ISO 5398-1), *Da – Xác định hàm lượng crom oxit – Phần 1: Định lượng bằng phương pháp chuẩn độ*

TCVN 10048 (ISO 4684), *Da – Phép thử hóa – Xác định chất bay hơi*

ASTM D4576, *Standard test method for mold growth resistance of wet blue (Phương pháp thử chuẩn để xác định sự kháng lại sự phát triển của nấm mốc trên da phèn xanh)*

### **3 Thuật ngữ và định nghĩa**

Trong tiêu chuẩn này sử dụng thuật ngữ và định nghĩa sau:

#### **3.1**

##### **Bảo quản (cured)**

Bảo vệ da tạm thời tránh thổi rửa cho đến khi da được thuộc.

**CHÚ THÍCH** Các phương pháp bảo quản bao gồm ướp muối khô hoặc ướt hoặc sấy khô.

**3.2**

**Sự chuyển màu (pigmentation)**

Màu sắc được tạo ra bởi sự sinh trưởng của nấm trên da phèn xanh.

**CHÚ THÍCH** Màu sắc được tạo ra bởi nấm sẽ thường là màu đen, trắng, xanh lá cây hoặc vàng nhưng cũng có thể là màu hồng hoặc tím.

**4 Yêu cầu**

**4.1 Da nguyên liệu**

Da cừu phèn xanh phải được xử lý từ da cừu đã được bảo quản hoặc da cừu tươi.

**4.2 Thuộc da**

Sau khi thực hiện các công đoạn trước thuộc, da cừu phải được thuộc với crom sulfat kiềm là tác nhân thuộc chính. Mặt cắt ngang của da được hóa chất thấm hoàn toàn thể hiện bằng màu xanh nhạt của crom sulfat khi kiểm tra bằng mắt thường. Thực hiện thuộc tại pH 3,0 hoặc lớn hơn.

Chất diệt nấm phải được sử dụng để ức chế sự phát triển của nấm mốc trên da cừu phèn xanh.

**CHÚ THÍCH 1** Chất diệt nấm được sử dụng để ức chế sự phát triển của nấm mốc và sự chuyển màu phải có hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến sức khỏe. Nên có thỏa thuận giữa người mua và nhà cung cấp đối với loại chất diệt nấm và liều lượng sử dụng.

**CHÚ THÍCH 2** Chất diệt nấm tốt nhất là phải được sử dụng với hàm lượng phù hợp để bảo quản được đến 4 tháng ở nhiệt độ và độ ẩm thông thường trong thời gian bảo quản hoặc vận chuyển.

**4.4 Ngoại quan**

Mặt thịt của da cừu phèn xanh phải được nạo sạch thịt và mặt cật phải được tẩy sạch lông. Kích cỡ và việc phân loại phải theo thỏa thuận giữa các bên liên quan.

**CHÚ THÍCH** Da cừu phèn xanh phải có mặt cật chặt và không nhăn, không có các nếp gấp trống và các vết bẩn gây ra do muối sắt. Tối thiểu 95 % số mảnh trong lô không được bị dây bẩn bởi các muối crom và tổng diện tích bị dây bẩn trong bất kỳ mảnh nào phải không vượt quá 10 % tổng diện tích mảnh đó.

**4.5 Nhiệt độ co**

Nhiệt độ co không được thấp hơn 95 °C, khi được xác định bằng phương pháp qui định trong TCVN 7125 (ISO 3380).

#### 4.6 Yêu cầu hóa học

Da cừu phèn xanh phải phù hợp với các yêu cầu được nêu trong Bảng 1.

**Bảng 1 – Yêu cầu hóa học**

Đặc tính	Yêu cầu
Chất bay hơi, %	Theo thỏa thuận giữa các bên liên quan
pH của dịch chiết nước (tối thiểu)	3,5

**CHÚ THÍCH** Nhiệt độ cơ tối thiểu là 95 °C thường yêu cầu hàm lượng crom oxit tối thiểu là 3,0 % khối lượng khô, khi được xác định bằng phương pháp được nêu trong ISO 5398-1. Khi hàm lượng crom oxit được xác định theo cách này, có thể được sử dụng để ước lượng lượng crom oxit cần thêm vào để đạt được mức yêu cầu (nghĩa là lượng crom oxit cần bổ sung trong quá trình thuộc).

### 5 Lấy mẫu

#### 5.1 Lấy mẫu để thử thường xuyên

Số lượng mẫu và vị trí lấy mẫu để thử thường xuyên phải theo thỏa thuận giữa các bên liên quan.

#### 5.2 Lấy mẫu trong trường hợp có tranh chấp

Số lượng mẫu được cho trong Bảng 2 và vị trí lấy mẫu phải như qui định trong TCVN 7117 (ISO 2418).

**Bảng 2 – Số lượng mẫu được lấy trong trường hợp có tranh chấp**

Số lượng con da	Số lượng mẫu
Ít hơn hoặc bằng 100	3
101 đến 300	4
301 đến 500	5
501 đến 700	6
701 trở lên	7

#### 5.3 Chuẩn bị mẫu

Mẫu được chuẩn bị bằng cách lau sạch nước còn đọng lại và bọc mẫu bằng giấy lọc trong 30 min mà không có thêm bất kỳ tác động nào vào mẫu.

## **6 Phương pháp thử**

### **6.1 Kiểm tra bằng mắt thường**

Kiểm tra sự đồng đều của màu sắc trên bề mặt da, độ thấu của crom sulfat, độ sạch lông và độ sạch của mặt thịt của da cừu phèn xanh.

### **6.2 Nhiệt độ co**

Xác định nhiệt độ co bằng phương pháp được quy định trong TCVN 7125 (ISO 3380).

### **6.3 Chất bay hơi**

Xác định chất bay hơi bằng phương pháp được quy định trong TCVN 10048 (ISO 4684).

### **6.4 pH của dịch chiết nước**

Xác định pH của dịch chiết nước bằng phương pháp được quy định trong TCVN 7127 (ISO 4045).

### **6.5 Hiệu quả của chất diệt nấm**

Xác định hiệu quả của chất diệt nấm bằng phương pháp được quy định trong ASTM D4576.

## **7 Bao gói và ghi nhãn**

### **7.1 Bao gói**

Da cừu phèn xanh phải được bao gói phù hợp theo thỏa thuận giữa các bên liên quan để bảo vệ độ ẩm ban đầu.

### **7.2 Ghi nhãn**

Những nội dung sau đây phải được ghi nhãn trên bao gói hoặc trên nhãn gắn vào bao gói:

- a) tên da nguyên liệu, và tên thương mại hoặc tên nhãn hàng, nếu có;
  - b) tên và địa chỉ của nhà sản xuất;
  - c) tháng và năm thuộc da;
  - d) số lượng mảnh của con da;
  - e) các chi tiết khác do người mua yêu cầu.
-